

Bản án số: 130/2026/HS-ST
Ngày 29-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thu Thúy và bà Đàm Thị Thanh Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Đức Bình, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Hạ Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 113/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Thanh S** (tên gọi khác: không), sinh ngày 22 tháng 12 năm 1985; tại tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: tổ F, khu V, phường V, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: phòng 2.8.10, chung cư D, tổ A, khu A, phường B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: không; trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Ngọc A và bà Dương Thị N; vợ: Đinh Thị Kim L; con: có 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 01/7/2004, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 08 năm 06 tháng tù, về tội “Cướp tài sản”. Ngày 17/01/2009, chấp hành xong bản án; bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2025, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn L1** (tên gọi khác: không), sinh ngày 25 tháng 8 năm 2002; tại tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: khu B, phường H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: không; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị S1; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang, bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/12/2025, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh S:* bà Phạm Thị Mai P, Luật sư Công ty L3; địa chỉ: số C L, phường H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

* *Người làm chứng*: anh Nguyễn Hồng Q, anh Phạm Trung Đ, chị Đinh Thị Kim L; đều vắng mặt.

* *Người chứng kiến*: Phạm Ngọc S2, Lê Văn Đ1; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ, ngày 13/12/2025, tại khu vực resort thuộc Công ty TNHH A, phường T, tỉnh Quảng Ninh, Công an tỉnh Q phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Văn L1 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, mục đích để bán. Vật chứng thu giữ: thu tại tay trái L1 đang cầm 01 túi nilon, bên trong có 01 gói giấy vệ sinh màu trắng chứa 03 viên nén màu hồng là ma túy MDMA, tổng khối lượng 1,076 gam và 02 túi nilon chứa 1,792 gam ma túy Ketamine; thu giữ trong túi quần bên phải của L1 đang mặc 01 hộp kim loại màu tím trắng, bên trong hộp có: 01 túi nilon có 03 viên nén màu hồng là ma túy MDMA, tổng khối lượng 1,029 gam; 04 túi nilon chứa 2,798 gam ma túy Ketamine. Ngoài ra còn thu của L1: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone, màu xanh, gắn sim số 0867557657; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, gắn sim số 09366619657; (Kết luận giám định số 1916 ngày 20/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q).

L1 khai nhận toàn bộ số ma túy trên là của Phạm Thanh S đưa cho L1 để bán.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Thanh S khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của L1.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của S tại Phòng 2.8.10, Chung cư D, tổ A, khu A, phường B, tỉnh Quảng Ninh, thu giữ: thu tại ngăn ngoài cùng bên phải của tủ giày sát cửa ra vào 01 hộp bìa các tông bên trong có 01 túi giấy cuộn bằng băng dính trong suốt đựng 01 túi nilon chứa 48,412 gam ma túy Ketamine; thu trên tủ giày thứ hai kế tiếp 02 vỏ hộp kim loại, bên ngoài hộp có chữ Kissport; (Kết luận giám định số 1916 ngày 20/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q).

Căn cứ tài liệu điều tra, Cơ quan điều tra ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Thanh S. Thu của S: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone, màu vàng trắng, gắn sim số 0776909757, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone, màu vàng, gắn sim số 0353.832.832.

Quá trình điều tra xác định: S là đối tượng sử dụng ma túy và thường xuyên đi đến thành phố T, tỉnh Bắc Ninh (trước khi sáp nhập) để mua ma túy của V (không rõ lai lịch, địa chỉ) về sử dụng. S có quen biết với L1. Đến khoảng tháng 11/2025, do cả hai đều không có công việc ổn định nên S đã rủ L1 giúp S bán ma túy. L1 đồng ý. Cả hai thỏa thuận: S bỏ tiền mua ma túy thuốc lắc và Ketamine rồi chia sẵn thành các túi đưa cho L1 bán với giá từ 1.600.000 đồng đến 1.700.000 đồng/túi ma túy Ketamine, 400.000 đồng đến 500.000 đồng/viên ma túy thuốc lắc. S trả công cho L1 mỗi lần bán 01 túi ma túy Ketamine là 100.000 đồng và 01 viên ma túy thuốc lắc là 50.000 đồng. Khi khách hỏi mua ma túy thì S sẽ chuyển thông tin của khách cho L1 để liên hệ giao ma túy. Ngày 26/11/2025, S liên hệ và đi xe khách đến

thành phố T, tỉnh Bắc Ninh (địa chỉ trước sáp nhập) gặp và mua của V 20.000.000 đồng tiền ma túy gồm ma túy Ketamine và ma túy thuốc lắc, trong đó có một phần ma túy Ketamine đã được chia thành các túi nhỏ. Sau khi mua được ma túy, S cầm ma túy về nhà sử dụng một phần ma túy Ketamine trong một túi Ketamine đã được chia nhỏ rồi gọi điện bảo L1 đến và đưa cho L1 toàn bộ số ma túy Ketamine đã chia nhỏ là 21 túi ma túy Ketamine và 23 viên ma túy thuốc lắc để L1 bán. Từ khi đưa ma túy cho L1, S và L1 đã bán ma túy cho nhiều người trong đó có 02 lần bán ma túy cho Nguyễn Hồng Q và 02 lần bán ma túy cho Phạm Trung Đ. Cụ thể như sau:

Phạm Thanh S và Nguyễn Văn L1 bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Hồng Q:

Lần thứ nhất: ngày 05/12/2025, Q gọi điện cho S hỏi mua 01 túi ma túy Ketamine và 02 viên thuốc lắc. S báo giá 1.600.000 đồng/túi ma túy Ketamine, 500.000 đồng/viên, Q đồng ý. Sau đó, S gọi điện thoại L1 cầm ma túy đi bán cho Q. Q thanh toán tiền bằng cách chuyển 2.600.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng M của chị Đinh Thị Kim L theo yêu cầu của S.

Lần thứ hai: khoảng 21 giờ, ngày 11/12/2025, Q gọi điện cho S hỏi mua 01 túi ma túy Ketamine. S báo giá 1.700.000 đồng/túi, Q1 đồng ý. Sau đó, S bảo L1 cầm 01 túi ma túy Ketamine đi giao cho Q, Q thanh toán bằng tiền mặt cho L1.

Cả hai lần trên, S, Q và L1 đều liên lạc với nhau qua ứng dụng T và L1 giao ma túy cho Q tại đầu ngõ nhà Q thuộc tổ H, khu G, phường B, tỉnh Quảng Ninh.

Phạm Thanh S và Nguyễn Văn L1 bán trái phép chất ma túy cho Phạm Trung Đ:

Lần thứ nhất: ngày 09/12/2025, Đ đến nhà S tại tổ F, khu V, phường V, tỉnh Quảng Ninh gặp S hỏi mua 03 viên ma túy thuốc lắc. S báo giá 400.000 đồng/viên và bảo Đ liên lạc với L1 để lấy ma túy, đồng thời S gọi điện qua ứng dụng Telegram chỉ đạo L1 liên lạc với Đ để bán ma túy. Sau đó, L1 liên lạc với Đ và bán 03 viên ma túy thuốc lắc tại khu vực vòng xuyên C, phường B, tỉnh Quảng Ninh. Đ thanh toán 1.200.000 đồng bằng tiền mặt cho L1.

Lần thứ hai: khoảng 18 giờ, ngày 11/12/2025, Đ tiếp tục đến nhà S hỏi mua ma túy. S báo giá 400.000 đồng/viên và bảo Đ liên lạc với L1 để lấy ma túy, đồng thời S gọi điện qua ứng dụng Telegram chỉ đạo L1 liên lạc với Đ để bán ma túy. Sau đó, L1 liên lạc với Đ và bán cho Đ 12 viên ma túy thuốc lắc tại nhà Đ thuộc tổ F, khu V, phường V, tỉnh Quảng Ninh. Đ thanh toán 4.800.000 đồng bằng tiền mặt cho L1.

Các bị cáo khai nhận phù hợp nội dung trên và phù hợp với Nguyễn Hồng Q và Phạm Trung Đ về số lần mua ma túy của S và L1 như nêu trên. Q đã sử dụng hết số ma túy mua được, còn Đ sử dụng một phần số ma túy, phần còn lại sau khi nghe tin S bị bắt giữ thì Đ đã vứt đi tại khu vực đường bao biên phường B, tỉnh Quảng Ninh.

Do đó, cần áp dụng nguyên tắc có lợi cho các bị cáo, lấy khối lượng thấp nhất trong túi ma túy Ketamine và khối lượng ma túy thuốc lắc, Cơ quan điều tra đã thu giữ của L1 để tính khối lượng ma túy S và L1 đã bán cho Q và Đ như sau: 01 túi ma

túy Ketamine có khối lượng 0,846 gam và 01 viên ma túy thuốc lắc có khối lượng 0,343 gam. Do đó S và L1 đã bán cho Q tổng số 1,692 gam ma túy Ketamine và 0,686 gam ma túy MDMA; S và L1 đã bán cho Đ tổng số 5,145 gam ma túy MDMA.

Ngoài ra, S và L1 còn khai ngày 12/12/2025, L1 đến sảnh Chung cư D đưa cho S 7.700.000 đồng tiền bán ma túy và S trả công L1 bán ma túy là 1.050.000 đồng. S và L1 đều đã sử dụng hết số tiền trên cho mục đích sinh hoạt cá nhân.

Vật chứng và đồ vật tài sản tạm giữ: ma túy hoàn lại sau giám định trong 01 phong bì niêm phong số 1916/KL-KTHS ngày 20/12/2025, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh, gắn sim số 0867.557.657, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng gắn sim số 0936.619.657, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng trắng gắn sim số 0776.909.757, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng gắn sim số 0353.832.832, 03 hộp kim loại, 01 hộp bìa cứng, 01 gói giấy vàng chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Quảng Ninh để quản lý theo quy định của pháp luật.

Bản Cáo trạng số: 98/CT-VKSQN-P1, ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố Phạm Thanh S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Văn L1, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Phản tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt chính:

- Tuyên bố: các bị cáo Phạm Thanh S, Nguyễn Văn L1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ: điểm h khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 2 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phạm Thanh S từ 16 (mười sáu) năm tù đến 17 (mười bảy) năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/12/2025.

Căn cứ: điểm b, p khoản 2 Điều 251, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Văn L1 từ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 13/12/2025.

* Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Về biện pháp tư pháp, về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 1,62 gam ma túy loại MDMA và 52,64 gam ma túy loại Ketamine mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số

1916/KL-KTHS ngày 20/12/2025 và Biên bản giao nhận gói niêm phong ngày 22/12/2025 Phòng K Công an tỉnh Q; 01 hộp kim loại màu tím trắng, bên ngoài hộp có chữ Kissport; 01 hộp kim loại màu nâu trắng, bên ngoài hộp có chữ Kissport; 01 hộp kim loại màu đỏ trắng, bên ngoài hộp có chữ Kissport; 01 hộp bìa các cứng (cát tông) kích thước khoảng (13x10x4) cm; 01 gói giấy màu vàng; các sim điện thoại.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng thu giữ của Phạm Thanh S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng thu giữ của Nguyễn Văn L1

Bị cáo Phạm Thanh S phải nộp số tiền 9.250.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Ngọc L2 phải nộp số tiền 1.050.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh S luật sư Phạm Thị Mai P phát biểu tranh luận: Bà hoàn toàn đồng ý với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh về tội danh, mức hình phạt, về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo Phạm Thanh S. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh bố mẹ của bị cáo đã già yếu, bố bị cáo là ông Phạm Ngọc A có công với cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt phù hợp với bị cáo Phạm Thanh S.

Các bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

* Các bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: xét lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét, phù hợp với vật chứng thu giữ, bản ảnh vật chứng, Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 05/12/2025 đến ngày 11/12/2025, trên địa bàn

phường V và phường B, tỉnh Quảng Ninh, Phạm Thanh S và Nguyễn Văn L1 đã 02 lần bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Hồng Q và 02 lần bán trái phép chất ma túy cho Phạm Trung Đ. Trong đó, bán cho Q 02 túi ma túy Ketamine có tổng khối lượng 1,692 gam và 02 viên ma túy MDMA có tổng khối lượng 0,686 gam với tổng số tiền là 4.300.000 đồng; bán cho Đ 15 viên ma túy MDMA có tổng khối lượng 5,145 gam với tổng số tiền 6.000.000 đồng.

Ngày 13/12/2025, tại phường B và phường T, tỉnh Quảng Ninh, S còn cất giấu 48,412 gam ma túy Ketamine mục đích để bán và đưa cho L1 cất giấu 4,59 gam ma túy Ketamine và 2,105 gam ma túy MDMA, mục đích để bán. Tổng khối lượng ma túy S đã bán và tàng trữ trái phép để bán là 54,694 gam ma túy Ketamine và 7,936 gam ma túy MDMA; L1 đã bán và tàng trữ trái phép để bán là 6,282 gam ma túy Ketamine và 7,936 gam ma túy MDMA.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý, xâm phạm đến chế độ của Nhà nước về quản lý các chất ma túy.

Do đó, hành vi trái pháp luật như nêu trên của Phạm Thanh S đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251; hành vi trái pháp luật như nêu trên của Nguyễn Văn L1 đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố đối với các bị cáo Phạm Thanh S, Nguyễn Văn L1 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về vai trò của các bị cáo: đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo S là người cung cấp nguồn ma túy để bị cáo L1 bán trái phép cho người khác; bị cáo L1 đã giúp sức cho bị cáo S bốn lần bán ma túy tàng trữ trái phép chất ma túy để bán, có hưởng lợi, nên bị cáo S có vai trò cao bị cáo L1.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo L1 đã bốn lần giúp sức bán ma túy cho bị cáo S. Do bị cáo L1 đã bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, nên bị cáo L1 không bị áp dụng tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Do tại khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự không có tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”, nên bị cáo S bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân của bị cáo Phạm Thanh S: ngày 01/7/2004, Phạm Thanh S bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong bản án ngày 17/01/2009. Do đó, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo S.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51

của Bộ luật Hình sự. Bị cáo L1 khi bị bắt quả tang ngày 13/12/2025, bị cáo L1 đã tự nguyện khai báo hành vi phạm tội trước đó mà chưa bị phát hiện, nên bị cáo L1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bố bị cáo Phạm Thanh S là ông Phạm Ngọc A được tặng thưởng huân, huy chương cụ thể như sau: ngày 16/02/1985, Hội thưởng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang; ngày 12/4/1995, được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ Việt Nam thưởng Huân chương chiến công Hạng Ba; ngày 13/10/1997, được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ Việt Nam tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhất; ngày 20/3/2001, được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ Việt Nam thưởng Huân chương chiến công Hạng Nhất. Do đó, bị cáo S được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về áp dụng hình phạt chính:

Khung hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thanh S đã thực hiện được quy định tại khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Khung hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn L1 đã thực hiện được quy định tại khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt tương ứng với từng bị cáo như nêu trên.

[7] Về hình phạt bổ sung: tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự quy định: người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp, về xử lý vật chứng:

Đối với 1,62 gam ma túy loại MDMA và 52,64 gam ma túy loại Ketamine mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 1916/KL-KTHS ngày 20/12/2025 và Biên bản giao nhận gói niêm phong ngày 22/12/2025 Phòng K Công an tỉnh Q là vật nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; 01 hộp kim loại màu tím trắng, bên ngoài hộp có chữ Kissport, 01 hộp kim loại màu nâu trắng, bên ngoài hộp có chữ Kissport, 01 hộp kim loại màu đỏ trắng, bên ngoài hộp có chữ Kissport, 01 hộp bìa cứng (cát tông) kích thước khoảng (13x10x4) cm, 01 gói giấy màu vàng, các sim điện thoại là vật không còn giá trị sử dụng. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định và số đồ vật nêu trên.

Đối với 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, gắn sim thu giữ của Phạm Thanh S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh, gắn 01 sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, gắn 01 sim thu giữ của Nguyễn Văn L1. Các bị cáo đều sử dụng điện thoại nêu trên vào việc liên lạc mua bán ma túy. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 04 chiếc điện thoại di động nêu trên.

Số tiền bị cáo Phạm Thanh S có được do bán trái phép chất ma túy là 10.300.000 đồng, bị cáo S đã dùng số tiền này trả công cho bị cáo L1 1.050.000

đồng (do L1 giúp S bán trái phép chất ma túy). Nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, bị cáo Phạm Thanh S phải nộp 9.250.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước, bị cáo Nguyễn Văn L1 phải nộp 1.050.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát: xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo đã được cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật Tố tụng hình sự quy định; tại phiên tòa các bị cáo cũng đã thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Phạm Thanh S, Nguyễn Văn L1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1 Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[12] Liên quan trong vụ án:

Đối với Nguyễn Hồng Q và Phạm Trung Đ mua ma túy của S và L1 để sử dụng đều đã sử dụng hết, không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), nên không có căn cứ để xử lý. Công an tỉnh Q đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với chị Đinh Thị Kim L, bị cáo Phạm Thanh S không nói cho chị L biết về nguồn gốc của số tiền được chuyển vào tài khoản của chị L do S bán ma túy mà có và chị L không liên quan việc S bán ma túy nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, về hình phạt chính:

Tuyên bố: các bị cáo Phạm Thanh S, Nguyễn Văn L1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ: điểm h khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phạm Thanh S 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/12/2025.

Căn cứ: điểm b, p khoản 2 Điều 251, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn L1 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/12/2025.

2. Về biện pháp tư pháp, về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 1,62 (một phẩy, sáu hai) gam ma túy loại MDMA và 52,64 (năm hai phẩy sáu tư) gam ma túy loại Ketamine mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 1916/KL-KTHS ngày 20/12/2025 và Biên bản giao nhận gói niêm phong ngày 22/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q; 01 (một) hộp kim loại màu tím trắng, bên ngoài hộp có chữ Kissport; 01 (một) hộp kim loại màu nâu trắng, bên ngoài hộp có chữ Kissport; 01 (một) hộp kim loại màu đỏ trắng, bên ngoài hộp có chữ Kissport; 01 (một) hộp bìa cứng (cát tông) kích thước khoảng (13x10x4) cm; 01 (một) gói giấy màu vàng; các sim điện thoại.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 02 (hai) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng thu giữ của Phạm Thanh S; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng thu giữ của Nguyễn Văn L1

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 160/BB-THA ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Quảng Ninh).

Bị cáo Phạm Thanh S phải nộp số tiền 9.250.000 (chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Ngọc L2 phải nộp số tiền 1.050.000 (một triệu, không trăm năm mươi nghìn) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Thanh S, Nguyễn Văn L1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1 Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: các bị cáo Phạm Thanh S, Nguyễn Văn L1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 – QN;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh QN;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh QN;
- Phòng CSTHA và HTTP CA tỉnh QN;
- Thi hành án dân sự tỉnh QN;
- Trại tạm giam CA tỉnh QN;
- Các bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Ngọc An

